

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THỊ XÃ HOÀI NHƠN
TỈNH BÌNH ĐỊNH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 392/2023/DS – ST
Ngày: 28-12-2023
V/v tranh chấp “về việc yêu cầu
chia thừa kế theo pháp luật và chia tài
sản chung hộ gia đình”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ HOÀI NHƠN TỈNH BÌNH ĐỊNH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Minh Thành
Các Hội thẩm nhân dân:

- Ông Phan Á
- Ông Cao Thanh Tâm

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Trần Tuyết Mai – Thư ký Tòa án, Tòa án nhân dân thị xã Hoài Nhơn.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Hoài Nhơn tham gia phiên tòa:
Ông Nguyễn Hoàng Quang - Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 12 năm 2023 tại Tòa án nhân dân thị xã Hoài Nhơn, tỉnh Bình Định xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 316/2022/TLST- DS ngày 25 tháng 10 năm 2022 về tranh chấp “chia thừa kế theo pháp luật, chia tài sản chung hộ gia đình” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 184/2023/QĐXXST-DS ngày 14 tháng 7 năm 2023 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ông Tào T, sinh năm 1975

Địa chỉ: Khu phố A, phường H, thị xã H, tỉnh Bình Định.

Đại diện hợp pháp của ông Tào T: Bà Nguyễn Thị D T1, sinh năm 1988, địa chỉ: Khu phố A, phường H, thị xã H, tỉnh Bình Định là đại diện theo ủy quyền (theo Hợp đồng ủy quyền đề ngày 27/6/2023). (có mặt)

2. Bị đơn:

1/ Ông Tào Văn P, sinh năm 1979 (vắng mặt tại thời điểm tuyên án)

Địa chỉ: Khu phố G, phường H, thị xã H, tỉnh Bình Định.

2/ Bà Tào Thị Đ, sinh năm 1982 (có mặt)

Địa chỉ: Khu phố G, phường H, thị xã H, tỉnh Bình Định.

3/ Bà Tào Thị N, sinh năm 1984 (có mặt)

Địa chỉ: Khu phố G, phường H, thị xã H, tỉnh Bình Định.

4/ Ông Tào Văn N1, sinh năm 1986 (vắng mặt tại thời điểm tuyên án)

Địa chỉ: Khu phố A, phường H, thị xã H, tỉnh Bình Định.

5/ Bà Trần Thị T2, sinh năm 1962 (có mặt)

Địa chỉ: Khu phố A, phường H, thị xã H, tỉnh Bình Định.

3. Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:

- 1/ Bà Nguyễn Thị X, sinh năm 1975 (có mặt)
Địa chỉ: Khu phố A, phường H, thị xã H, tỉnh Bình Định.
- 2/ Anh Tào Văn D, sinh năm 1993 (có mặt)
Địa chỉ: Khu phố A, phường H, thị xã H, tỉnh Bình Định.
- 3/ Ông Tào N2, sinh năm 1973
Địa chỉ: Khu phố A, phường H, thị xã H, tỉnh Bình Định.
Đại diện hợp pháp của ông Tào N2 : Bà Nguyễn Thị H, sinh năm 1969,
địa chỉ : Khu phố Đ, phường H, thị xã H, tỉnh Bình Định là đại diện theo ủy
quyền (Theo Hợp đồng ủy quyền đề ngày 23/8/2023) (có mặt).
- 4/ Ông Tào T3, sinh năm 1961 (có mặt)
Địa chỉ: Khu phố G, phường H, thị xã H, tỉnh Bình Định.
- 5/ Ông Tào T4, sinh năm 1967 (có yêu cầu xét xử vắng mặt)
Địa chỉ: Thôn D, xã C, huyện C, tỉnh Đắk Lắk
- 6/ Bà Tào Thị N3, sinh năm 1965 (có mặt)
Địa chỉ: Khu phố A, phường H, thị xã H, tỉnh Bình Định.
- 7/ Bà Huỳnh Thị Bích N4, sinh năm 1973 (có mặt)
Địa chỉ: Khu phố A, phường H, thị xã H, tỉnh Bình Định.
- 8/ Ông Tào Văn H1, sinh năm 1968 (yêu cầu giải quyết vắng mặt)
Địa chỉ: Khu phố A, phường H, thị xã H, tỉnh Bình Định.
- 9/ Bà Tống Thị M, sinh năm 1970 (yêu cầu giải quyết vắng mặt)
Địa chỉ: Khu phố A, phường H, thị xã H, tỉnh Bình Định.
- 10/ Ông Từ Văn T5, sinh năm 1975 (yêu cầu giải quyết vắng mặt)
Địa chỉ: Khu phố A, phường H, thị xã H, tỉnh Bình Định.
- 11/ Ủy ban nhân dân phường H.
Địa chỉ: Khu phố Đ, phường H, thị xã H, tỉnh Bình Định.
Người đại diện theo pháp luật: Ông Nguyễn Văn H2 - Chủ tịch Ủy ban
nhân dân phường H (có yêu cầu xét xử vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

+ Theo đơn khởi kiện và trình bày của nguyên đơn ông Tào T là: Ông T là con của ông Tào D1, sinh năm 1929, chết ngày 29/6/2003, mẹ Đặng Thị T6 sinh năm 1929, chết này 11/9/2016. Lúc sinh thời cha mẹ sinh được 06 người con gồm :

1. Tào Sao, chết có vợ con là: Trần Thị T2, Tào Văn P, Tào Thị Đ, Tào Thị N, Tào Văn N1.
2. Tào T3, sinh năm 1961
3. Tào Thị N3, sinh năm 1964
4. Tào Tim, sinh năm 1967
5. Tào N2, sinh năm 1973
6. Tào T, sinh năm 1975.

Thực hiện Nghị định số 64/CP của Chính phủ thì hộ gia đình cha mẹ ông T được Nhà nước cân đối giao quyền sử dụng 1.364m² đất (trong đó có 200m²

đất ở) tại thửa đất số 940, tờ bản đồ số 9 (bản đồ 1997) phường H; 1.656 m² đất (trong đó có 200m² đất ở) tại thửa đất số 941, tờ bản đồ số 9 (bản đồ 1997) phường H; 648m² đất màu tại thửa đất số 997B, tờ bản đồ số 9 (bản đồ 1997) phường H; 400m² đất lúa tại thửa đất số 1260, tờ bản đồ số 9 (bản đồ 1997) phường H; 272m² đất lúa tại thửa đất số 668A, tờ bản đồ số 9 (bản đồ 1997) phường H.

Tại thời điểm cân đối giao quyền sử dụng đất thì hộ gia đình cha ông T gồm có các nhân khẩu: Tào Dũng, Đặng Thị T6, Tào Thị N3, Tào N2, Tào T, Nguyễn Thị X, Tào Văn D.

Hiện tại thửa đất số 940, tờ bản đồ số 9 phường H ông T và anh Tào N2 đang quản lý sử dụng, xây dựng nhà trên đất này, giữa hai anh em đã có ranh giới ổn định.

Nay ông T yêu cầu tòa xem xét giải quyết chia thừa kế di sản của cha mẹ ông T để lại theo quy định của pháp luật, chia đất hộ gia đình theo Nghị định 64/CP của Chính phủ. Cụ thể: Ông T yêu cầu được nhận phần đất có nhà của ông T tại thửa đất số 940, tờ bản đồ số 9 phường H; giao thửa đất số 668A, tờ bản đồ số 9 cho bà Tào Thị N3; các thửa đất còn lại chia theo quy định pháp luật.

Ông T không thống nhất với nội dung biên bản bàn giao đề ngày 27/11/2006 (âm lịch) do phía bị đơn cung cấp.

+ Theo trình bày của bị đơn, các ông bà Tào Văn P, Tào Thị Đ, Tào Thị N, Tào Văn N1 là: Các ông bà là con của ông Tào S và bà Trần Thị Tuyết. Ông Tào S chết năm 2009. Vào năm 2006, bà nội Đặng Thị T6 khi còn sống đã thống nhất để lại cho cha mẹ các ông bà là ông S, bà T2 sử dụng thửa đất số 941, tờ bản đồ số 09 phường H. Sau khi ông Tào S chết, bà T2 vẫn tiếp tục quản lý đất đai và thực hiện việc thờ cúng.

Nay ông Tào T yêu cầu chia thừa kế theo pháp luật và chia tài sản chung hộ gia đình, các ông bà có yêu cầu như sau:

Giao cho bà Trần Thị Tuyết t quyền quản lý sử dụng thửa đất số 941, tờ bản đồ số 09 phường H để ở và thực hiện việc thờ cúng, hương khói.

Đối với các thửa đất còn lại, thửa đất số 940, 997B (đất màu), 1260 (đất lúa), 668A (đất lúa) cùng tờ bản đồ số 9 phường H, các ông bà không có yêu cầu gì, các cô các chú tự định đoạt, phân chia.

+ Theo trình bày của bị đơn, ông Tào Văn N1 là: Tôi là chủ sử dụng thửa đất số 602, tờ bản đồ số 09 phường H. Liên kề với thửa đất của tôi là thửa đất số 941, tờ bản đồ số 09 phường H của hộ ông Tào D1. Ranh giới giữa hai thửa đất đã được sử dụng ổn định từ trước tới nay. Tôi đã xây dựng hàng rào lưới B40 kiên cố. Tôi không có yêu cầu hay tranh chấp gì đối với phần ranh giới này.

+ Theo trình bày của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, bà Trần Thị T2 là: Tôi là vợ của ông Tào S. Ông Tào S chết năm 2009. Vào năm 2006, mẹ chồng tôi, bà Đặng Thị T6 khi còn sống đã thống nhất để lại cho vợ chồng tôi quản lý sử dụng thửa đất số 941, tờ bản đồ số 09 phường H. Đến năm 2007, tôi có sửa sang lại nhà cửa. Sau khi chồng tôi chết, tôi vẫn tiếp tục quản lý đất đai

và thực hiện việc thờ cúng.

Nay ông Tào T yêu cầu chia thừa kế theo pháp luật và chia tài sản chung hộ gia đình, tôi có yêu cầu như sau:

Giao cho tôi trọn quyền quản lý sử dụng thửa đất số 941, tờ bản đồ số 09 phường H để ở và thực hiện việc thờ cúng, hương khói.

Đối với các thửa đất còn lại, thửa đất số 940, 997B (đất màu), 1260 (đất lúa), 668A (đất lúa) cùng tờ bản đồ số 9 phường H, tôi không có yêu cầu gì, để các cô các chú tự định đoạt, phân chia.

+ *Theo trình bày của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, ông Tào N2 là:* Quan hệ nhân thân như ông T trình bày là đúng. Về yêu cầu chia thừa kế theo pháp luật và chia tài sản chung hộ gia đình của ông T, tôi đồng ý chia. Tôi có ý kiến được chia như sau:

- Giao cho tôi phần đất gắn liền với nhà ở tại thửa đất số 940, tờ bản đồ số 9 phường H.

- Giao cho tôi phần đất màu tại thửa đất số 997B, tờ bản đồ số 9 phường H.

Tôi không thống nhất với nội dung biên bản bàn giao đề ngày 27/11/2006 (âm lịch).

+ *Theo trình bày của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, ông Tào T3 là:* Quan hệ nhân thân như ông T trình bày là đúng. Về yêu cầu chia thừa kế theo pháp luật và chia tài sản chung hộ gia đình của ông T, tôi đồng ý chia. Phần của tôi được nhận, tôi yêu cầu được chia bằng hiện vật. Tôi yêu cầu chia cho tôi một phần đất tại thửa đất số 941, nếu diện tích đất chia cho tôi không đủ tách thửa tôi đồng ý nhập với em Tào T. Xin được chia phần đất có nhà, thôi lại giá trị nhà cho chị Trần Thị T2 để tôi và em Tào T cùng lo hương khói ông bà.

Không thống nhất với nội dung biên bản bàn giao đề ngày 27/11/2006 (âm lịch).

+ *Theo trình bày của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, ông Tào T4 là:* Quan hệ nhân thân như ông T trình bày là đúng. Về yêu cầu chia thừa kế theo pháp luật và chia tài sản chung hộ gia đình của ông T, tôi đồng ý chia. Phần của tôi được nhận, tôi từ chối nhận, giao lại cho hai em là Tào N2 và Tào T. Tôi từ chối vì tình cảm gia đình, không vì trốn tránh nghĩa vụ trả nợ cho người khác.

+ *Theo trình bày của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, bà Tào Thị N3 là:* Quan hệ nhân thân như ông T trình bày là đúng. Về yêu cầu chia thừa kế theo pháp luật và chia tài sản chung hộ gia đình của ông T, tôi đồng ý chia. Phần của tôi được nhận, tôi từ chối nhận, giao lại cho hai em là Tào N2 và Tào T. Tôi yêu cầu được nhận thửa đất lúa số 227, tờ bản đồ số 9 để canh tác, sử dụng. Tôi từ chối vì tình cảm gia đình, không vì trốn tránh nghĩa vụ trả nợ cho người khác.

+ *Theo trình bày của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, bà Nguyễn Thị X, anh Tào Văn D là:* Thống nhất với yêu cầu chia của ông T. Về phần đất mà bà X, ông D được cân đối giao quyền theo Nghị định số 64/CP của Chính phủ bà X, ông D giao hết cho ông Tào Văn N5 trọn quyền sử dụng.

+ *Theo trình bày của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, bà Huỳnh*

Thị Bích N4 là: Tôi là vợ ông Tào T. Vợ chồng tôi kết hôn năm 1994. Sau khi về sinh sống, vợ chồng tôi có cùng nhau tạo dựng lên một ngôi nhà trên thửa đất số 940, tờ bản đồ số 09 phường H. Nhà xây dựng khoảng năm 1999.

Nay chồng tôi có yêu cầu chia thừa kế theo pháp luật và chia tài sản chung hộ gia đình có liên quan đến thửa đất số 940, tờ bản đồ số 09 phường H, tôi có ý kiến như sau: Đối với ngôi nhà chung của vợ chồng được xây dựng trên thửa đất này, tôi không có yêu cầu hay tranh chấp gì, tôi thống nhất giao toàn bộ ngôi nhà trên đất cho chồng tôi trọn quyền sở hữu.

+ *Theo trình bày của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, ông Tào Văn H1* là: Tôi là chủ sử dụng thửa đất số 604, tờ bản đồ số 23 (bản đồ VN 2000) phường H. Liên kề với thửa đất số 603+633-VN 2000 phường H. Gia đình tôi đã ở trên thửa đất từ lâu. Giữa hai thửa đất đã xây dựng hàng rào kiên cố làm ranh giới. Ranh mốc giới giữa hai thửa đất đã ổn định.

+ *Theo trình bày của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, bà Tống Thị M* là: Tôi là chủ sử dụng thửa đất số 631, tờ bản đồ số 23 (bản đồ VN 2000) phường H. Thửa đất của tôi liên kề với thửa đất số 603+633-VN 2000 phường H. Gia đình tôi đã ở trên thửa đất từ lâu và xây dựng hàng rào bê tông kiên cố để làm ranh giới giữa hai thửa đất.

+ *Theo trình bày của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, ông Tì Văn T5* là: Tôi là chủ sử dụng thửa đất số 632, tờ bản đồ số 09 (bản đồ VN 2000) phường H. Liên kề với thửa đất số 603+633-VN 2000 phường H. Gia đình tôi đã ở trên thửa đất này từ trước năm 1993 cho đến nay. Ranh giới giữa hai thửa đất đã ổn định, xây dựng kiên cố bằng hàng rào bê tông.

+ *Theo trình bày của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, đại diện Ủy ban nhân dân phường H* là: Phần diện tích 32.9 m² tại thửa đất số 941, tờ bản đồ số 09 phường H có nguồn gốc từ việc di dời hai ngôi mộ đất do nhân thân của ngôi mộ đã hốt cốt di dời đến nơi khác vào năm 2017, năm 2022.

Phần diện tích 4.4 m² tại thửa đất số 941, tờ bản đồ số 09 phường H là đất của ông Tào D1 sử dụng từ trước đến nay.

Nguồn gốc thửa đất số 940, 941 cùng tờ bản đồ số 09 phường H là do ông Tào D1 sử dụng từ trước năm 1993 đến khi nhà nước thực hiện Nghị định 64/NĐ-CP ngày 27/9/1993 thì được nhà nước cân đối cấp giấy chứng nhận cho hộ ông Tào D1.

+ *Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Hoài Nhơn, tỉnh Bình Định*: Việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử; việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng dân sự, kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án là phù hợp quy định của pháp luật. Tuy nhiên còn vi phạm về thời hạn chuẩn bị xét xử.

Về nội dung: áp dụng các Điều 102, 212, 219, 262, 612, 613, 630, 649, 643, 650, 651 Bộ luật Dân sự năm 2015, các Điều 147, 157 Luật Tố tụng dân sự; khoản 29 Điều 3 Luật Đất đai năm 2013, Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/NQ-UBTVQH 14 ngày 30/12/2016.

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Tào T về việc chia thừa kế theo pháp luật và chia tài sản chung hộ gia đình.

Ghi nhận sự thỏa thuận giữa các đương sự về việc phân chia các thửa đất số 940, 997B, 1260, 668A cùng tờ bản đồ số 09 phường H.

Về chi phí định giá, xem xét thẩm định tại chỗ: nguyên đơn thỏa thuận nộp.

Về án phí: các bên nộp theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng, thẩm quyền: Phần diện tích đất có yêu cầu chia thừa kế giữa hai bên tọa lạc tại phường H, thị xã H, tỉnh Bình Định. Căn cứ quy định tại Điều 26, Điều 35 và Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự 2015, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thị xã Hoài Nhơn, tỉnh Bình Định.

[2] Về nội dung:

[2.1] Đối với “biên bản bàn giao” đề ngày 27/11/2006 (âm lịch) nhằm ngày 15/01/2007. Đây là thời điểm sau khi ông Tào D1 chết, các con ông Tào D1 thống nhất giao nhà đất cho vợ chồng ông Tào S sử dụng hương khói cho ông bà. Trong văn bản này có chữ ký của ông Tào N5, Tào T, bà X cùng vợ chồng ông Tào S, bà Trần Thị Tuyết. Tuy nhiên trong biên bản này không thể hiện phần đất giao cho vợ chồng ông Tào S là thửa đất nào, về nội dung của văn bản này không thể hiện được là đó là hợp đồng tặng cho hay là di chúc của cụ Đặng Thị T6. Các bên cũng không làm thủ tục để sanh tên quyền sử dụng đất theo quy định của pháp luật. Hơn nữa nếu các bên thỏa thuận là thửa đất mà bà Trần Thị T2 đang quản lý thì đây là đất cấp cho hộ gia đình ông Tào D1 nên khi thỏa thuận sang tên thửa đất này thì phải được sự đồng ý của tất cả các thành viên trong hộ gia đình ông Tào D1 cũng như tất cả hàng thừa kế thứ nhất của ông Tào D1. Như vậy: “biên bản bàn giao” đề ngày 27/11/2006 (âm lịch) nhằm ngày 15/01/2007 chỉ có tính chất nội bộ, không được pháp luật thừa nhận.

[2.2] Yêu cầu chia đất hộ gia đình.

Tại thời điểm cân đối giao quyền sử dụng đất cho hộ gia đình cụ Tào D1 thì hộ gia đình cụ Tào D1 gồm có 7 nhân khẩu nông nghiệp là Tào Dũng, Đặng Thị T6, T, Tào N5, Tào Thị N3, Nguyễn Thị X và Tào Văn D. Hộ gia đình cụ Tào D1 được nhà nước cân đối giao quyền sử dụng 1.364m² đất (trong đó có 200m² đất ở) tại thửa đất số 940, tờ bản đồ số 9 phường H; 1.656 m² đất (trong đó có 200m² đất ở) tại thửa đất số 941, tờ bản đồ số 9 phường H; 648m² đất màu tại thửa đất số 997B, tờ bản đồ số 9 phường H; 400m² đất lúa tại thửa đất số 1260, tờ bản đồ số 9 phường H; 272m² đất lúa tại thửa đất số 668A, tờ bản đồ số 9 phường H.

Đối với thửa đất số 940, tờ bản đồ số 9, diện tích 1.264m² (loại đất ở và đất trồng cây lâu năm). Qua đo đạc lại thì diện tích thực tế của thửa đất là 1.444,3m². Diện tích thửa đất có sự thay đổi, qua làm việc với UBND phường H và hộ dân liền kề thì ranh giới thửa đất không có sự thay đổi, hộ dân liền kề không có sự tranh chấp. Diện tích cũng như hiện trạng đất có sự thay đổi là do

sai số đo đạc.

Đối với thửa đất số 941, tờ bản đồ số 9, diện tích 1.656m^2 (loại đất ở và đất trồng cây lâu năm). Qua đo đạc lại thì diện tích thực tế của thửa đất là $1.619,3\text{m}^2$. Diện tích của thửa đất có sự thay đổi, qua làm việc với UBND phường H và hộ dân liền kề thì ranh giới thửa đất có sự thay đổi, hộ dân liền kề không có sự tranh chấp, phần diện tích $4,4\text{m}^2$ thuộc quyền sử dụng của hộ cụ Tào D1; phần diện tích $32,9\text{m}^2$, qua làm việc với UBND phường H thì diện tích này trước đây trên đất có 02 ngôi mộ đã được hốt cốt từ trước, trên phần đất này không tiếp giáp với đất cấp cho người khác mà là giáp đường đi. Gia đình ông Tào D1 đã xây dựng hàng rào cố định, trồng dừa đã hơn 40 năm nên phần đất này sẽ được công nhận sau khi họ thực hiện đầy đủ nghĩa vụ thuế đối với nhà nước theo quy định của pháp luật. Như vậy, diện tích thực tế của thửa 941, tờ bản đồ số 9 phường H còn lại là $1619,3\text{m}^2 - 32,9\text{m}^2 = 1.586,4\text{m}^2$.

Như vậy, vợ chồng cụ Tào D1 nhận được 400m^2 đất ở từ 02 thửa đất số 940 và 941 tờ bản đồ số 9 và phần diện tích đất được cân đối giao quyền theo Nghị định số 64/CP của Chính phủ như các thành viên khác trong hộ gia đình, mỗi thành viên được nhận $((1.586,4\text{m}^2 + 1.444,3\text{m}^2) - 400\text{m}^2 \text{ đất ở}) : 7 \text{ nhân khẩu nông nghiệp} = 375,8\text{m}^2$ đất trồng cây lâu năm.

[2.3] Đối với yêu cầu chia thừa kế theo pháp luật của vợ chồng cụ Tào D1, Đặng Thị T6. Cụ Tào D1 chết ngày 29/6/2003, cụ Đặng Thị T6 chết ngày 11/9/2016 theo quy định tại Điều 623 Bộ luật dân sự năm 2015 thì yêu cầu chia thừa kế của ông Tào T còn trong thời hiệu khởi kiện.

Từ phân tích ở mục [2.2] thì di sản của vợ chồng cụ Tào D1, Đặng Thị T6 được xác định như sau:

Di sản của cụ Tào D1 để lại bao gồm: 200m^2 đất ở + $375,8\text{m}^2$ đất trồng cây lâu năm tại 02 thửa đất số 940 và 941 tờ bản đồ số 9 phường H.

Cụ Tào D1 có 06 người con nên hàng thừa kế thứ nhất của ông Tào D1 gồm 07 kỳ phần. Như vậy mỗi kỳ phần của cụ Tào D1 được nhận: 200m^2 đất ở : 7 kỳ phần + $375,8\text{m}^2$ đất trồng cây lâu năm : 7 kỳ phần = $28,5\text{m}^2$ đất ở + $53,6\text{m}^2$ đất trồng cây lâu năm.

Đối với di sản của ông Tào S: Tuy không có yêu cầu phân chia di sản nhưng vì ông Tào S chết vào ngày 20/10/2008 là sau thời điểm mở thừa kế của cụ Tào D1 nhưng trước thời điểm mở thừa kế của cụ Đặng Thị T6 ngày 11/9/2016. Do đó, ông Tào S được nhận thừa kế từ cụ Tào D1 là $28,5\text{m}^2$ đất ở và $53,6\text{m}^2$ đất trồng cây lâu năm. Khi ông Tào S chết không để lại di chúc đối phần di sản này nên phần di sản ông Tào S nhận được từ cụ Tào D1 được chia cho hàng thừa kế thứ nhất của ông, hàng thừa kế thứ nhất của ông Tào S gồm vợ, 4 người con và mẹ là cụ Đặng Thị T6. Như vậy, mỗi kỳ phần được nhận $28,5\text{m}^2$ đất ở : 6 = $4,75\text{m}^2$ đất ở + $53,6\text{m}^2$ đất trồng cây lâu năm : 6 = $8,9\text{m}^2$ đất trồng cây lâu năm.

Di sản của cụ Đặng Thị T6 để lại gồm 200m^2 đất ở + $375,8\text{m}^2$ đất trồng cây lâu năm tại 02 thửa đất số 940 và 941 tờ bản đồ số 9 phường H + kỳ phần từ cụ Tào D1 và kỳ phần từ ông Tào S. Như vậy di sản của cụ Đặng Thị T6 để lại

là: $(200\text{m}^2 \text{ đất ở} + 28,5\text{m}^2 \text{ đất ở} + 4,75\text{m}^2 \text{ đất ở}) + (375,8\text{m}^2 \text{ đất trồng cây lâu năm} + 53,6\text{m}^2 \text{ đất trồng cây lâu năm} + 8,9\text{m}^2 \text{ đất trồng cây lâu năm}) = 233,25\text{m}^2 \text{ đất ở} + 438,3\text{m}^2 \text{ đất trồng cây lâu năm}$. Cụ Đặng Thị T6 có 06 người con trong đó ông Tào S chết trước cụ Đặng Thị T6, ông Tào S có vợ con nên những người này được hưởng thừa kế thế vị của ông Tào S. Như vậy, mỗi kỷ phần của cụ Đặng Thị T6 được nhận: $233,25\text{m}^2 \text{ đất ở} : 6 \text{ kỷ phần} = 38,8\text{m}^2 \text{ đất ở} + 438,3\text{m}^2 \text{ đất trồng cây lâu năm} : 6 \text{ kỷ phần} = 73 \text{ m}^2 \text{ đất trồng cây lâu năm}$.

Từ những phân tích ở trên thì ông Tào N5, Tào T nhận được phần đất từ thừa kế của hai cụ Tào D1 và Đặng Thị T6 + phần đất cân đối giao quyền theo Nghị định số 64 + kỷ phần của ông Tào T3, bà Tào Thị N3 từ chối nhận giao cho ông Tào N5 và ông Tào T. Ngoài ra ông Tào N5 còn nhận được phần diện tích đất mà bà X và ông D là vợ và con của ông được cân đối theo Nghị định 64 giao lại cho ông.

Cụ thể: ông Tào N5 nhận được $(375,8\text{m}^2 \text{ đất trồng cây lâu năm/nhân khẩu} \times 3\text{nhân khẩu}) + (28,5\text{m}^2 \text{ đất ở} + 53,6\text{m}^2 \text{ đất trồng cây lâu năm}) + (38,8\text{m}^2 \text{ đất ở} + 73 \text{ m}^2) = 67,5\text{m}^2 \text{ đất ở} + 1254 \text{ đất trồng cây lâu năm}$ và phần chia của ông Tào T4 + bà Tào Thị N3 từ chối nhận giao cho ông Tào T + Tào Ngọc.

Ông Tào T nhận được $375,8\text{m}^2 \text{ đất trồng cây lâu năm} + (28,5\text{m}^2 \text{ đất ở} + 53,6\text{m}^2 \text{ đất trồng cây lâu năm}) + (38,8\text{m}^2 \text{ đất ở} + 73 \text{ m}^2) = 67,5\text{m}^2 \text{ đất ở} + 502,4\text{m}^2 \text{ đất trồng cây lâu năm}$ và phần chia của ông Tào T4 + bà Tào Thị N3 từ chối nhận giao cho ông Tào T + Tào Ngọc.

Ghi nhận sự thỏa thuận giữa ông Tào T và ông Tào T4 là chia chung cho 2 ông một phần đất có nhà tại thửa đất số 941, tờ bản đồ số 9 phường H để hai ông lo hương khói cho ông bà và thôi lại giá trị nhà cho bà Trần Thị Tuyết .

Ghi nhận sự thỏa thuận thống nhất giữa ông Tào T4, Tào N5 và Tào T là không thôi lại giá trị cho nhau nếu nhận chênh lệch đối phần mình được chia và ai nhận phần đất nào thì được quyền sở hữu tài sản trên đất đó.

Phần của ông Tào S: Ghi nhận sự thống nhất giữa vợ và các con ông Tào S là giao hết phần di sản mà ông Tào S được nhận cho bà Trần Thị Tuyết t quyền sở hữu, sử dụng. Ông Tào S được nhận là di sản của cụ Tào D1 để lại và thừa kế thế vị từ di sản của cụ Đặng Thị T6. Cụ thể $(28,5\text{m}^2 \text{ đất ở} + 53,6\text{m}^2 \text{ đất trồng cây lâu năm}) - (4,75\text{m}^2 \text{ đất ở} + 8,9\text{m}^2 \text{ đất trồng cây lâu năm}) + (38,8\text{m}^2 \text{ đất ở} + 73 \text{ m}^2 \text{ đất trồng cây lâu năm}) = 62,55\text{m}^2 \text{ đất ở} + 117,7\text{m}^2 \text{ đất trồng cây lâu năm}$.

[2.4] Cách phân chia di sản thừa kế theo pháp luật và phân chia tài sản chung hộ gia đình.

Ông Tào T4, bà Tào Thị N3 từ chối nhận nhận di sản mà giao lại cho hai ông Tào N5, Tào T. Bà Nguyễn Thị X, ông Tào Văn D tự nguyện nhập phần cân đối giao quyền sử dụng đất theo Nghị định số 64/CP của mình cho ông Tào N5 nên ghi nhận sự tự nguyện này.

Trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa các bên đương sự đều thống nhất phân chia các thửa đất số 997B, 668A, 1260, và 940 cùng tờ bản đồ số 9 phường H cụ thể như sau:

- Giao cho ông Tào Ngọc t1 đất 997B tờ bản đồ số 9 phường H đất màu.
- Giao cho bà Tào Thị N3 thửa đất 668A tờ bản đồ số 9 phường H loại đất lúa.

- Giao cho ông Tào T thửa đất 1260 tờ bản đồ số 9 phường H loại đất lúa. Đối với thửa đất số 940, tờ bản đồ số 09 (bản đồ 1997) phường H:
- Giao cho ông Tào Ngọc t2 quyền sử dụng phần diện tích đất có kích thước và giới cận như sau:

- Đông giáp: thửa đất số 604 dài 20,49m; 9,83m
- Tây giáp: phần đất còn lại giao cho ông Tào Trung d: 34,74m
- Nam giáp: thửa 631, 632 dài: 2,73m; 0,38m; 2,44m; 10,35m; 0,92m;
- Bắc giáp: đường bê tông dài 24,04m

Diện tích: 805,5m² (trong đó có 100m² đất ở và 705m² đất trồng cây lâu năm) cùng toàn bộ tài sản có trên đất.

Giao cho ông Tào Trung t3 quyền sử dụng phần diện tích đất có kích thước và giới cận như sau:

- Đông giáp: phần đất còn lại giao cho ông Tào Ngọc d1: 34,74m
- Tây giáp: đường bê tông dài: 4,77m; 2,49m; 25,05m
- Nam giáp: thửa 632, 686 dài: 3m; 16,56m
- Bắc giáp: đường bê tông dài 11,59m; 6,15m

Diện tích: 638,8m² (trong đó có 100m² đất ở và 538,8m² đất trồng cây lâu năm) cùng toàn bộ tài sản có trên đất.

Do đó, ghi nhận sự thỏa thuận này của các đương sự.

Đối với thửa đất số: 941, tờ bản đồ số 9 phường H:

Trên thửa đất có một ngôi nhà do bà Trần Thị T2 xây dựng. Vị trí xây dựng nằm ở trung tâm thửa đất, ngôi nhà này vợ chồng bà T2 xây dựng để thờ cúng ông bà. Tuy nhiên sau khi xây dựng thì ông Tào S chồng bà T2 chết, từ đó đến nay bà T2 sống trên ngôi nhà này nhưng không sửa sang nay đã xuống cấp, theo biên bản định giá ngày 10/11/2023 thì chất lượng ngôi nhà chỉ còn 40%.

Tại thời điểm cân đối giao quyền sử dụng đất theo Nghị định số 64/CP của Chính phủ thì hộ ông Tào S, bà Trần Thị T2 được nhà nước cân đối giao quyền sử dụng 4 thửa đất trong đó có thửa 1318, tờ bản đồ số 9 (bản đồ 1997) phường H diện tích 1.520m² trong đó có 200m² đất ở thửa đất này liền kề với thửa đất số 941 mà bà T2 xây dựng nhà ở. Sau khi được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thửa đất trên thì hộ gia đình bà Trần Thị Tuyết l thủ tục sang tên cho con của mình là Tào Văn N1 toàn bộ thửa đất trên và hiện tại Tào Văn N1 đang sử dụng thửa đất 1318, tờ bản đồ số 09 phường H.

Như vậy có thể thấy rằng bà Trần Thị T2 đã được cấp đất ở, có nhà ở ổn định, liền kề với thửa đất số 941 nên nhu cầu về chỗ ở là không bức thiết. Theo như phân tích ở trên thì kỹ phần ông Tào S nhận được là 62,55m² đất ở + 117,7m² đất trồng cây lâu năm. Theo quy định của pháp luật thì phần diện tích đất trồng cây lâu năm này không đủ diện tích để tách thửa. Diện tích đất trồng cây lâu năm tối thiểu để được tách thửa là 300m².

Theo biên bản định giá ngày 10/11/2023 thì ngôi nhà do bà Trần Thị T2

xây dựng có giá 56.977.200 đồng; 1m² đất ở có giá: 2.000.000 đồng; 1m² đất trồng cây lâu năm có giá: 1.000.000 đồng. Diện tích đất trồng cây lâu năm còn thiếu để tách thửa khoảng 182m² tương đương số tiền 182.000.000 đồng.

Từ đó, thấy rằng giao cho bà Trần Thị Tuyết p đất liền kề với thửa đất số 1318, tờ bản đồ số 9 phường H để gia đình bà liên canh, liên cư trong việc sử dụng đất là hợp lý. Ghi nhận sự tự nguyện của ông Tào T3, Tào T là được nhận phần đất có nhà của bà Trần Thị T2 để sửa sang thờ cúng ông bà, giao cho bà Trần Thị Tuyết p đất liền kề với thửa đất 1318, tờ bản đồ số 9 phường H đủ diện tích tách thửa mà không yêu cầu nhận phần thối giá trị chênh lệch.

Từ những phân tích trên có thể thấy rằng:

Giao cho ông Tào Ngọc t2 quyền sử dụng phần đất có kích thước và giới cận như sau:

- Đông giáp: thửa đất số 530, phần đất chưa được giao quyền sử dụng (có diện tích 32,9m²) dài: 41,01m 6,69m

- Tây giáp: phần đất còn lại giao cho ông Tào T, Tào Tầm dài: 52,52m

- Nam giáp: đường bê tông dài: 4,2m; 2,49m; 3,9m; 2,93m; 2,98m; 2,18m

- Bắc giáp: thửa 528 dài: 8,2m

Diện tích: 610m² (trong đó có 50m² đất ở và 560m² đất trồng cây lâu năm và 32,9m² đất chưa được nhà nước công nhận) cùng tài sản có trên đất.

Phần diện tích 32,9m² được công nhận cho ông Tào N5 khi ông Tào N5 làm thủ tục để được công nhận diện tích đất trên theo quy định của pháp luật.

Giao cho ông Tào T3 + Tào Trung trọn quyền sử dụng có kích thước và giới cận như sau:

- Đông giáp: phần đất còn lại giao cho ông Tào Ngọc d1 52,52m

- Tây giáp: phần đất còn lại giao cho bà Trần Thị Tuyết d2: 48,54m

- Nam giáp: đường bê tông dài: 16m

- Bắc giáp: thửa 528, 564 dài: 9,02m

Diện tích: 613,5m² (trong đó có 90m² đất ở và 523,5m² đất trồng cây lâu năm cùng tài sản có trên đất (bao gồm ngôi nhà của bà Trần Thị T2).

Giao cho bà Trần Thị Tuyết t quyền sử dụng có kích thước và giới cận như sau:

- Đông giáp: phần đất còn lại giao cho ông Tào T3 + Tào Trung dài 48,54m

- Tây giáp: thửa 602 dài: 7,86m; 18,93m; 8,53m; 13,89m

- Nam giáp: đường bê tông dài: 3,53m; 7,46m

- Bắc giáp: thửa 564 dài: 7,71m; 0,72m

Diện tích: 362,9m² (trong đó có 60m² đất ở và 302,9m² đất trồng cây lâu năm) cùng tài sản có trên đất.

(có sơ đồ chi tiết kèm theo).

[3] Về chi phí định giá, xem xét thẩm định tại chỗ. Ghi nhận sự tự nguyện chịu của nguyên đơn. Nguyên đơn đã nộp đủ.

[4] Về án phí dân sự sơ thẩm:

Bà Trần Thị T2, ông Tào T3 là người cao tuổi nên được miễn.

Bà Tào Thị N3 phải nộp: $44.340.800 \text{ đồng} \times 5\% = 2.217.000 \text{ đồng}$.

Giá trị tài sản mà ông Tào N5 được chia là: $83.723.600 \text{ đồng}$ (thửa 997B, tờ bản đồ số 9) + 150m^2 đất ở x $2.000.000 \text{ đồng/m}^2$ + $1.265,5\text{m}^{2+}$ đất trồng cây lâu năm x $1.000.000 \text{ đồng/m}^2 = 1.640.223.600 \text{ đồng}$. Số tiền án phí ông Tào N5 phải nộp là: $61.206.700 \text{ đồng}$.

Giá trị tài sản mà ông Tào T được chia là: $70.078.000 \text{ đồng}$ (thửa 1260, tờ bản đồ số 9) + $738.800.000 \text{ đồng}$ (thửa 940, tờ bản đồ số 9) + $795.777.000 \text{ đồng}$: 2 (thửa 941, tờ bản đồ số 9 chung với ông Tào T3) = $1.206.766.500 \text{ đồng}$. Số tiền án phí ông T phải nộp là: $48.202.900 \text{ đồng}$ (tròn số).

Giá được tính theo biên bản định giá ngày 10/11/2023.

[5] Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát là phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử và đúng quy định pháp luật nên được chấp nhận.

Vì những lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các Điều 26, 35, 39, 227, 273 Bộ luật tố tụng Dân sự 2015,

Căn cứ các Điều 102, 212, 219, 609, 611, 612, 613, 620, 623, 649, 650, 651, 652, 660 Bộ luật Dân sự 2015.

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1/ Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Tào T về việc chia thừa kế theo pháp luật và chia tài sản chung hộ gia đình.

1.1 Giao cho ông Tào Ngọc q sử dụng 648m^2 đất tại thửa đất 997B tờ bản đồ số 9 phường H đất màu.

1.2 Giao cho bà Tào Thị N3 quyền sử dụng 272m^2 đất tại thửa đất 668A tờ bản đồ số 9 phường H loại đất lúa.

1.3 Giao cho ông Tào T quyền sử dụng 400m^2 đất tại thửa đất 1260 tờ bản đồ số 9 phường H loại đất lúa.

1.4 Đối với thửa đất số: 940, tờ bản đồ số 9 phường H.

Giao cho ông Tào Ngọc t2 quyền sử dụng có kích thước và giới cận như sau:

- Đông giáp: thửa đất số 604 dài 20,49m; 9,83m
- Tây giáp: phần đất còn lại giao cho ông Tào Trung d: 34,74m
- Nam giáp: thửa 631, 632 dài: 2,73m; 0,38m; 2,44m; 10,35m; 0,92m;
- Bắc giáp: đường bê tông dài 24,04m

Diện tích: $805,5\text{m}^2$ (trong đó có 100m^2 đất ở và 705m^2 đất trồng cây lâu năm) cùng toàn bộ tài sản có trên đất.

Giao cho ông Tào Trung t3 quyền sử dụng có kích thước và giới cận như sau:

- Đông giáp: phần đất còn lại giao cho ông Tào Ngọc d1: 34,74m
- Tây giáp: đường bê tông dài: 4,77m; 2,49m; 25,05m

- Nam giáp: thửa 632, 686 dài: 3m; 16,56m
 - Bắc giáp: đường bê tông dài 11,59m; 6,15m
 Diện tích: 638,8m² (trong đó có 100m² đất ở và 538,8m² đất trồng cây lâu năm) cùng toàn bộ tài sản có trên đất.

(có sơ đồ chi tiết thửa đất kèm theo)

1.5 Đối với thửa đất số: 941, tờ bản đồ số 9 phường H.

Giao cho ông Tào Ngọc t2 quyền sử dụng có kích thước và giới cận như sau:

- Đông giáp: thửa đất số 530, phần đất chưa được giao quyền sử dụng (có diện tích 32,9m²) dài: 41,01m 6,69m

- Tây giáp: phần đất còn lại giao cho ông Tào T, Tào Tầm dài: 52,52m

- Nam giáp: đường bê tông dài: 4,2m; 2,49m; 3,9m; 2,93m; 2,98m; 2,18m

- Bắc giáp: thửa 528 dài: 8,2m

Diện tích: 610m² (trong đó có 50m² đất ở và 560m² đất trồng cây lâu năm và 32,9m² đất chưa được nhà nước công nhận) cùng tài sản có trên đất.

Giao cho ông Tào T3 + Tào Trung trọn quyền sử dụng có kích thước và giới cận như sau:

- Đông giáp: phần đất còn lại giao cho ông Tào Ngọc d1 52,52m

- Tây giáp: phần đất còn lại giao cho bà Trần Thị Tuyết d2: 48,54m

- Nam giáp: đường bê tông dài: 16m

- Bắc giáp: thửa 528, 564 dài: 9,02m

Diện tích: 613,5m² (trong đó có 90m² đất ở và 523,5m² đất trồng cây lâu năm cùng tài sản có trên đất (bao gồm ngôi nhà của bà Trần Thị T2).

Giao cho bà Trần Thị Tuyết t quyền sử dụng có kích thước và giới cận như sau:

- Đông giáp: phần đất còn lại giao cho ông Tào T3 + Tào Trung dài 48,54m

- Tây giáp: thửa 602 dài: 7,86m; 18,93m; 8,53m; 13,89m

- Nam giáp: đường bê tông dài: 3,53m; 7,46m

- Bắc giáp: thửa 564 dài: 7,71m; 0,72m

Diện tích: 362,9m² (trong đó có 60m² đất ở và 302,9m² đất trồng cây lâu năm) cùng tài sản có trên đất.

(có sơ đồ chi tiết thửa đất kèm theo)

Phần diện tích 32,9m² được công nhận cho ông Tào N5 khi ông Tào N5 làm thủ tục để được công nhận diện tích đất trên theo quy định của pháp luật.

Ghi nhận sự tự nguyện của các ông bà Tào N5, T, T, không thối lại giá trị chênh lệch phần tài sản mình được nhận cho nhau.

2. Về chi phí định giá, xem xét thẩm định tại chỗ:

Nguyên đơn thỏa thuận nộp, nguyên đơn đã nộp đủ.

3. Về án phí dân sự sơ thẩm:

Bà Trần Thị T2, ông Tào T3 là người cao tuổi nên được miễn.

Bà Tào Thị N3 phải nộp: 2.217.000 đồng sung công nhà nước.

Ông Tào N5 phải nộp: 61.206.700 đồng (tròn số) sung công nhà nước.

Ông Tào T phải nộp: 48.202.900 đồng (tròn số) sung công nhà nước. Ông Tào T đã nộp 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0000235 ngày 25 tháng 10 năm 2022 của Chi cục thi hành án dân sự thị xã Hoài Nhơn nên còn phải nộp: 47.902.900 đồng.

Đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ để Tòa án cấp trên xét xử theo trình tự phúc thẩm.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành tại Điều 2, Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7A và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Đương sự;
- Viện kiểm sát nhân dân thị xã Hoài Nhơn;
- Lưu hồ sơ;
- Lưu văn phòng.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(đã ký)

Trần Minh Thành